TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Lục

Bà Vũ Thị T Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Hải N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt)

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hải N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 29/3/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, tình cảm vợ chồng bình thường được thời gian ngắn sau đó vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bản thân chị T đã có chồng nhưng đã ly hôn và có con riêng, sau khi kết hôn chị T đưa con riêng về chung với vợ chồng anh, bản thân anh kết hôn cùng chị T là người vợ thứ hai, trước đó anh cũng đã có vợ nhưng đã ly hôn. quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, con riêng của chị T không làm gì chỉ ăn và chơi

điện thoại, anh có khuyên bảo nhưng cháu không nghe lời, chị T là người vợ lười không chịu làm ăn, đối xử với anh không có tình cảm, không trách nhiệm với anh và gia đình anh. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nữa nên xin được ly hôn với chị T.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023 chị T trình bày: Chị thừa nhận anh N khai đúng về thời gian kết hôn và quá trình chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị chung sống không hợp nhau, ngoài ra còn lý do là vì anh H (chủ tịch Tập đoàn P) cho con riêng của chị số tiền 50 triệu đồng để đi học nhưng do cháu không học được chị đã gửi tiết kiệm số tiền đó để nuôi con riêng của chị, anh N có yêu cầu chị đưa số tiền đó cho anh N nhưng chị không đồng ý dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau. Nay anh N xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh Lê Hải N.

Về con chung: Anh N và chị T đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thu Thảo, sinh ngày 17/8/2021 hiện nay đang ở cùng chị T. Ly hôn anh N và chị T đều thống nhất để chị T được tiếp tục nuôi con chung và anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh N đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con riêng của anh N và chị T thì anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Anh N và chị T đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã An Tường ngày 23/3/2023 và UBND xã T ngày 31/3/2023 cho biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hải N kết hôn ngày 29/3/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, bản thân anh N và chị T kết hôn với nhau là lần thứ hai, chị T đã ly hôn chồng và anh N đã ly hôn vợ, anh chị đều có con riêng nên cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm. Hiện nay anh chị không chung sống cùng nhau. Nay anh N và chị T đều xin ly hôn nên Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, tôn trọng nguyện vọng của anh chị. Hiện nay chị T đang có HKTT tại xã T nhưng chị T không có mặt tại xã T mà đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã A, tuy nhiên chị T ít khi có mặt tại xã A vì chị T thường xuyên đi làm vắng nhà, thi thoảng chị T mới về nhà ở tại nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn

Văn M và bà Phạm Thị D; về con chung của anh chị là cháu Lê Thu T, sinh ngày 17/8/2021 đang ở cùng chị T. Ngoài ra chị T có 01 người con riêng hiện nay đang ở cùng chị T tại xã A, Có sự Ly hôn giữa hai anh chị thì về con chung của anh chị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị T đi làm có thu nhập để nuôi con nhưng hoàn cảnh cũng khó khăn vì một mình nuôi hai con (trong đó có 01 người con chung và một người con riêng của chị T) nên chị T có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hải N xin ly hôn chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi cháu Thu T, sinh ngày 17/8/2021, anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về con riêng của anh N và chị T thì anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Anh N và chị T đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Lê Hải N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn của anh và chị T theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T chỉ đến Tòa án làm việc một lần sau đó chị không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tại phiên tòa chị T vắng mặt lần thứ hai không

có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2021 anh Lê Hải N kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, quá trình chung sống anh chị có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần, bản thân anh N và chị T kết hôn với nhau là lần thứ hai, chị T đã ly hôn chồng và anh N đã ly hôn vợ, anh chị đều có con riêng nên cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm. Hiện nay anh chị không chung sống cùng nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã A còn anh N đang ở tại xã T. Nay anh N xin được ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là Lê Thu T sinh ngày 17/8/2021, hiện nay đang ở cùng ở chị T. Xét thấy con chung còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh chị đã thống nhất để chị T tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên cần được chấp nhận, về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh N và chị T đã tự thống nhất với nhau là anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa anh N yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, do vậy cần buộc anh N phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh N phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về con riêng của anh N và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh N và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hải N là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Lê Hải N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thu T sinh ngày 17/8/2021, hiện nay con chung đang ở cùng chị T. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lê Hải N chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì anh N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Lê Hải N và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hải N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005905 ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, Anh N còn phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải